

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính với công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

- Mã chứng khoán: **SGP**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

- Điện thoại: (028) 39 400 161

Fax: (028) 39 400 168

- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Người phụ trách quản trị công ty.

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 20/7/2020, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính số 150720.002/HĐTC.HCM để thuê Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính trong năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn vào ngày 20/7/2020 (www.saigonport.vn).

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Thanh Tuấn

Số: 150720.002/HĐTC.HCM

Ngày 20 tháng 07 năm 2020

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Về việc Kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)*

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 Lưu ý khi kiểm toán Báo cáo tài chính Tập đoàn (kể cả công việc của Kiểm toán viên đơn vị thành viên);
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu kỳ;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và khả năng đáp ứng của Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Người đại diện : **Võ Hoàng Giang**
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : 03 Nguyễn Tất Thành , Phường 12 , Quận 4 , TP.HCM
Mã số thuế : 0300479714

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Người đại diện : **Trần Trung Hiếu**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Tầng 3, Toà nhà galaxy 9, Số 9 Đường Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại : 028. 3945 0505/Fax: 08.3945 1106 028. 3945 0505/Fax: 08.3945 1106
Tài khoản số : VND 119000028856
Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN2 –Tp.HCM
Mã số thuế : 0100111105-006

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính trên cơ sở kết quả thực hiện công tác soát xét
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A

Các đơn vị được kiểm toán:

1. Kiểm toán Báo cáo Tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các đơn vị hạch toán phụ thuộc; Bao gồm:
 - Cảng Hiệp Phước
 - Trung tâm dịch vụ hàng hải Cảng Sài Gòn
 - Cảng Tân Thuận
 - Xí nghiệp xây dựng công trình Cảng
 - Xí nghiệp lai đất tài biển
 - Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa – Vũng tàu
2. Kiểm toán Báo cáo Tài chính của Xí nghiệp xây dựng công trình Cảng (Phục vụ đấu thầu công trình)
3. Kiểm toán Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán và soát xét bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- 2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- 2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - a. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác, kể cả thông tin của đơn vị thành viên, bao gồm các tài liệu, hồ sơ kiểm toán có liên quan mà bên B yêu cầu);
 - b. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

- c. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán;
- d. Quyền tiếp cận, trao đổi thông tin không hạn chế đối với các kiểm toán viên đơn vị thành viên. Bên B được phép thực hiện hoặc yêu cầu kiểm toán viên đơn vị thành viên thực hiện kiểm toán hoặc soát xét thông tin tài chính hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên;
- e. Quyền tiếp cận, trao đổi không hạn chế đối với kiểm toán viên tiền nhiệm (bao gồm việc soát xét giấy làm việc của kiểm toán viên tiền nhiệm) hoặc tạo điều kiện cho kiểm toán viên thu thập bằng chứng liên quan đến số dư đầu kỳ.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán và soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và soát xét và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1 Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

2.2.2 Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm

toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

2.2.3 Trách nhiệm chung của bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

ĐIỀU III: BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Kết thúc cuộc kiểm toán, Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán sẽ phải lập và phát hành:

I. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính:

Sau khi hoàn thành cuộc soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

1. Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;
2. Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;
3. Báo cáo soát xét sẽ được thành lập thành 10 bộ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn giữ 08 bộ; Công ty kiểm toán giữ 02 bộ cho mỗi loại báo cáo.

II. Báo cáo kiểm toán:

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

1. Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;
4. Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính năm 2020 của Xí nghiệp xây dựng công trình Cảng (Phục vụ đấu thầu công trình)

2. Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;
3. Báo cáo kiểm toán riêng và hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn sẽ được thành lập thành 08 bộ bằng tiếng Việt và 06 bộ bằng tiếng Anh: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn giữ 04 bộ; Công ty kiểm toán giữ 02 bộ cho mỗi loại báo cáo.
4. Báo cáo kiểm toán của Xí nghiệp xây dựng công trình Cảng sẽ được thành lập thành 08 bộ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn giữ 06 bộ; Công ty kiểm toán giữ 02 bộ báo cáo.
5. 04 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán hoặc Báo cáo kết quả công tác soát xét của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU IV: THỜI GIAN BÀN GIAO BÁO CÁO KIỂM TOÁN/ SOÁT XÉT

Bên A yêu cầu và bên B thực hiện việc phát hành và bàn giao các báo cáo theo tiến độ như sau:

- + Báo cáo bán niên đã được soát xét:
 - Báo cáo riêng và hợp nhất chính thức trước ngày 15/08/2020
- + Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:
 - Báo cáo riêng và hợp nhất đã được kiểm toán bản chính thức trước ngày 12/03/2021

ĐIỀU V: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được xác định như sau:

Phí dịch vụ: 500.000.000 VND

VAT (10%): 50.000.000 VND

Tổng cộng: 550.000.000 VND

(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Phương thức thanh toán

Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng ngay khi hai Bên ký kết hợp đồng này. 50% giá trị hợp đồng còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B khi nhận được báo cáo kiểm toán chính thức. Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành

ĐIỀU VI: CAM KẾT THỰC HIỆN

Bên A cam kết cung cấp các hồ sơ, tài liệu cần thiết kịp thời cho công tác soát xét / kiểm toán, cũng như tạo điều kiện thuận lợi để Bên B hoàn thành công việc soát xét / kiểm toán. Nếu vì lý do lỗi chủ quan của bên B mà bên B không thể thực hiện dịch vụ soát xét/kiểm toán hoặc không thể đưa ra dự thảo báo cáo soát xét / kiểm toán khi đến thời hạn quy định tại Điều IV của Hợp đồng thì bên B phải bồi thường cho bên A những tổn thất phát sinh liên quan (nếu có) do việc không hoàn thành dịch vụ hoặc không đưa ra dự thảo báo cáo soát xét/kiểm toán theo đúng thời hạn. Mức tiền phạt sẽ tương ứng 0.5% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm trễ nhưng tối đa không quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU VII: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG SÀI GÒN
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ HOÀNG GIANG

Đại diện bên B
CN.CÔNG TY TNHH HĂNG
KIỂM TOÁN AASC
GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG HIẾU